



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____ No
EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM DOAN THUY NAM
Last Middle First

Current Address 12 KK bis, Cua Bac Hai - P25-Q10 - Hochiminh City

Date of Birth 1949 Place of Birth Hanoi

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant & ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 05-1975 To 02-14-1980

3. SPONSOR'S NAME: FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635 Name _____

Address & Telephone _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

900-11-11 ✓

CONTROL

- Card
- ☒ Doc. Request; Form
- Release Order
- Computer
- Form "D"
- ODP/Date
- Membership; Letter

5/92 16 Reg. 1115
38 Dwyford 1115
11.11.11 1115
CA 1115

BỘ QUỐC PHÒNG
Quân Pháp
ĐOÀN 3
3317/QH-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 077/T/LB ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 19 - QĐ ngày 31/01/1980 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: ĐOÀN THUY NAM
Ngày, tháng, năm sinh: 1949
Quê quán: Hà Nội
Trú quán: 12 KK Bis c/x Bắc Hải, Ph. 25, quận 10, TP-HCM.
Nơi cho về: Không cư trú trong thành phố.
Đo lường, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phân tông của chế độ cũ: 69A702.587-Trung úy
Số tiếp liệu - Tàu HQ 502.

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, phường: Hai mươi lăm thuộc Huyện, Quận: Mười Tỉnh, Thành phố: HỒ CHI MINH và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:
- Thời hạn quản chế: Mười hai tháng
- Thời hạn đi đường: Hai ngày (từ ngày ký giấy ra trại).
- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: (Số phiếu cấp phát kèm theo)

Đưa về đến Đình điện CAPES.
K/c đến Ban Quản huấn Cao
phòng tiếp.
Ngày 14/2/80.
Cacuphien
Hà Thanh Chiếu.

Ngày 14 tháng 02 năm 1980
TRƯỞNG ĐOÀN TƯ LỆNH

Trung tá: BÙI THIẾT

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Tên Tù-nhân) : ĐOÀN - THUY - NAM
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : April 04 1949
(Năm, nơi sinh) Month (tháng) Day (Ngày) Year (Năm)
SEX (Nam hay Nữ) : Male (Nam): Male Female (Nữ): _____
MARITAL STATUS Single (Độc thân): _____ Married (Có lập gia đình): M.
(Tình trạng gia đình):
ADDRESS IN VIETNAM : KK 12^{Bis} Củ Xá Bắc Hải
(Địa chỉ tại Việt-Nam) P. 15. Q. 10 TP Hồ Chí Minh - Viet Nam
POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không): Yes (Có) ☒ No (Không) _____
If Yes (Nếu có): From (Từ): June 25 1975 To (Đến) Feb. 14 1980
PLACE OF RE-EDUCATION : HT 3150/Sông Bé - Phước Long
CAMP (Trại tù)
PROFESSION (Nghề nghiệp): Trung Úy Hải Quân (Lieutenant JG)
EDUCATION IN U.S. (Du học tại Mỹ): US Naval ops. Rhode Island (1970)
VN ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc): Trung Úy Hải Quân (Lieutenant JG)
VN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ): _____
Date (năm): _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP): Yes (Có): Yes
IV Number (Số hồ sơ): 117045
No (Không): _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo); 01
(Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết.
MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN): KK 12^{Bis} Củ Xá Bắc Hải
Phường 15 - Quận 10 - Thành Phố Hồ Chí Minh - Viet Nam
NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và địa chỉ thân nhân hay Người Bắp trợ):

U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ): Yes (Có): _____ No (Không): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN): _____
NAME SIGNATURE: _____
ADDRESS TELEPHONE OF INFORMANT
(Tên, Chu ký, Địa chỉ và Điện thoại của người diện đơn này) _____
DATE: _____
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : ĐOAN - THUY - NAM
(Listed on page 1)

[illegible]

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

Education in U.S. :

1. U.S. Naval Officer Candidate School (OCS), Newport, Rhode Island
from June 1970 to November 1970 - Class: Victor IV
2. U.S. Naval Supply Center, Oakland, from June 1973
to August 1973 - Class: Vietnamese Supply Officer

INTAKE FORM: (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

ĐOÀN - THUY - NAM

NAME(Tên Tù-nhân) : (Last (Tên họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : April 04 1949
(Năm, nơi sinh) Month (Tháng) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (Nam hay Nữ) : Male (Nam): Male Female (Nữ): /

MARITAL STATUS Single (Độc thân): Married (Có lập gia đình): M.

ADDRESS IN VIETNAM : KK 12^{Bis} Củ - Xá Bắc - Hải
(Địa chỉ tại Việt-Nam) P. 15 Q. 10 TP Hồ Chí Minh - Việt Nam

POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không): Yes (Có) X No (Không)
If Yes (Nếu có): From (Từ): June 25, 1975 To (Đến) Feb. 14, 1980

PLACE OF RE-EDUCATION : HT 3150 / Sông Bé - Phước Long
CAMP (Trại tù)

PROFESSION (Nghề nghiệp): Trung - Úy Hải - Quân (LT - JG)

EDUCATION IN U.S. (Du học tại Mỹ): US Naval OCS, Rhode Island (1970)

VN ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc): Trung - úy Hải Quân (Lieutenant JG)

VN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ):
Date (năm):

APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP): Yes (Có): Yes
IV Number (Số hồ sơ): 117045
No (Không):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo); 01
(Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết.

MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN): KK 12^{Bis} Củ - Xá Bắc - Hải
Phường 15 - Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh Việt Nam

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và địa chỉ thân nhân hay Người Bảo trợ)

U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ): Yes (Có): No (Không):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN):

NAME SIGNATURE:

ADDRESS TELEPHONE OF INFORMANT
(Tên, Chu ký, Địa chỉ và Điện thoại của người diện đơn này)

DATE: Month (Tháng) Day (Ngày) Year (Năm)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : DOAN - THUY - NAM
(Listed on page 1)

[illegible]

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

Education in U.S. :

1. U.S. Naval Officer Candidate School (OCS), Newport, Rhode Island
from June 1970 to November 1970. Class: Victor IV
2. U.S. Naval Supply Center, Oakland. from June 1973
to August 1973. Class: Vietnamese Supply Officer.

29/2/86
UY BAN



Nguyễn Văn Thanh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN
Số 020727044
Họ tên **TRẦN THỊ THU THỦY**
Sinh ngày 01-09-1959
Nguyên quán: **Đông Mỹ, Bình Trị Thiên.**
Nơi thường trú **10 Tô Hiến Thành, Quận 10, T.P. Hồ Chí Minh**

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên Chúa

DẤU VẾT TRIỆNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chàm cách 2,5cm
trên trước đầu mày
trái.

05 tháng 03 năm 1979

T. L. X. M. B. C. H. A. C. T. R. U. O. N. G. T. Y. C. O. N. G. A. N.
P. H. O. T. R. U. O. C. H. E. C. E. G. A. N. Q. U. A. N. 10

Đinh Văn Kỳ

29/2/84
UYIK/TT

Nguyễn Đình Hùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN
Số **UYIK/TT 207 BQ**
Họ tên **ĐOÀN PHUY NAM**
Sinh ngày **4-1-1949**
Nguyên quán **Hải Hưng**
Nơi thường trú **K12B1s cxbắc**
Hải, Q10, Tp. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Phật giáo	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DẤU HÌNH	
		Sẹo tròn 0,5cm, 2cm sau đuôi mắt phải	
		Tháng 7 năm 1986	
		ĐẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN	
		Lê Thanh Văn	

Số: 876 /BN.

GIẤY BIÊN NHẬN

Ông, Bà: ĐC AN THUY NAM Sinh 1949

Địa chỉ: KK 12 B/S cũ Xóm Bàu Hới

Phường: 15 Quận 10.

Có nộp thủ tục hồ sơ xin đăng ký xuất cảnh

Số người: 2 người

Đi: Mỹ do Chính phủ Mỹ bảo lãnh

Số hồ sơ: 995 chuyển lên phòng Công tác về

Người Nước Ngoài ngày 20 tháng 02 năm 1989

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 1988

CÔNG AN QUẬN 10



ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số TT12/P3

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Phường

Huyện, Quận

Tỉnh, Thành phố

QĐ số

Ký

Số

Quyển số

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

Bí danh

Sinh ngày tháng

năm hay tuổi

Dân tộc

Quốc tịch

Nghề nghiệp

Nơi đăng ký

nhân khẩu

thường trú

Số giấy chứng minh nhân dân:

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 2 tháng 2 năm 1963

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D.

CHỖ NGƯỜI ĐÓN SẠO

ĐƠN SỬ DỤNG SÁT CHÁNH KHUẤT BƯNG

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

QUẬN 10

TP. 691177 - 2.000.000

Orderly Departure Program
American Embassy
490 San Francisco 96346

DOAN THUY NAM
KK12 BIS CU XA SAC HAI
P 15
Q 10
T/P HO CHI MINH
VIET NAM

IV Number : 117045

The enclosed information pertains to your interest in the Orderly Departure Program. Please read and follow all the instructions very carefully. When communicating with this office either by telephone or letter, you must ALWAYS refer to the IV number exactly as it appears below.

ODP files are being reviewed by category priority. The attached Letter of Introduction has been issued as a result of your relative's file category coming up on our priority schedule. You may have other family members whose files have not yet been reviewed. Their files will be reviewed once we have completed the review of all higher priority categories and reach the category of the cases of your remaining relatives.

Following is an English translation of the enclosed Letter of Introduction :

The above named individuals appear to qualify for resettlement in the United States of America. A final decision as to their eligibility, however, can only be made after they have been interviewed by the appropriate United States immigration or consular officials and have had certain required medical examinations and tests. Approval will depend on the individuals being determined by U.S. officials, prior to the individual's departure from Vietnam, to be in satisfactory health and to meet the requirements of U.S. immigration laws.

Therefore, should these individuals receive exit permission from the Vietnamese Government, we request that they be permitted to undertake in Vietnam all formalities and processing connected with their application to leave Vietnam under the U.S. Orderly Departure Program, including the required medical examinations and tests, and that they be permitted by the Vietnamese authorities to appear before the appropriate United States Government officials to be interviewed.

The qualification of any individual named in this letter for resettlement in the United States may be invalidated in certain situations, including marriage, divorce, the attainment of age of 21, or death.

Encl: Letter of Introduction
Instructions

CRG /JJD

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

FEB 3, 1989

TO WHOM IT MAY CONCERN:

DOAN THUY NAM
TRAN THI THU THUY

BORN 4 APR 49 (IV 117045)
BORN 1 SEP 59 WIFE

ADDRESS IN VIETNAM: KK12 SIS CU XA BAC HAI
P 15
D 10
T/P HO CHI MINH

VENL#: 47637

NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DUOC COI NHU TAM DU TIEU-CHUAN DE DINH-CU TAI HOA-KY. TUY NHIEN, SU QUYET-DINH CUOI CUNG DE HOI DU DIEU-KIEN CON TUY THUOC VAO CUOC PHONG-VAN CUA VIEN-CHUC SO DI-TRU HAY TUY VIEN LANH-SU HOA-KY VA KET-DUA VIEC KHAM SUC KHOE VA THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET. DE CO SU CHAP-THUAN CUOI CUNG CUA VIEN-CHUC HOA-KY, VA TRUOC KHI BOI KHOI VIET-NAM, MOI NGUOI CAN CO SUC KHOE TOT DEP VA HOI DU NHUNG DIEU-KIEN CUA LUAT DI-TRU HOA-KY.

VI THE, TRONG TRUONG HOP NHUNG NGUOI NAY DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP XUAT-CANH, CHUNG TOI YEU CAU QUY VI CHO PHEP HO DUOC THI HANH TAI VIET-NAM NHUNG THU-TUC CAN THIET LIEN-QUAN DEN HO-SO XIN ROI KHOI VIET-NAM, THEO CHUONG-TRINH RA DI CO TRAT TU (ODP), KE CA NHUNG THU-TUC KHAM SUC-KHOE, THU-NGHIEM Y-TE CAN THIET VA DUOC CHINH-QUYEN VIET-NAM CHO PHEP GAP VIEN-CHUC CO THAM-QUYEN CUA CHINH-PHU HOA-KY DE DUOC PHONG-VAN.

DIEU KIEAN DUOC DINH-CU TAI HOA-KY CUA BAT CU NGUOI NAO CO TEN TRONG TO THU HAY, CO THE KHONG CON HIEU-LUC NUA, TRONG MOT SO TRUONG HOP, BAO GOM LA HON-NHAN, LY-DI, DEN TUOI 21, HAY QUA GOI.

SINGAPORE
Consular Service of the U.S. of America
Bruce Osley
BRUCE OSLEY
DIRECTOR
ORDERLY DEPARTURE OFFICE

ODP-1
07/84

9626937

BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp
SƯ ĐOÀN 3
số 317/QH-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07TT/LB ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 19 - QĐ ngày 31/01/1980 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CHỨNG NHẬN ĐƠN SẠO

CẤP GIẤY RA TRẠI

TÊN SỐ LAI ĐƠN CHẤP NHẬN VÀ TÊN ĐƠN
TP. HỒ CHÍ MINH, ngày 21/01/80
UBND PHƯỜNG 15

ĐOÀN THUY NAM

Ngày, tháng, năm sinh: 1949

UVTK/Tổ quán: Hà nội

Trú quán: 12 KK Bis c/x Bắc Hải, Ph. 25, quận 10, TP-HCM.

Nơi cho về Không cư trú trong thành phố.

Số lệnh, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 69A702.587-Trung úy

Sở tiếp liệu - Tàu HQ 502.

Phường: Hai mươi lăm thuộc Huyện,

Quận: Mười Tỉnh, Thành phố: HỒ CHÍ MINH

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: Mười hai tháng

- Thời hạn đi đường: Hai ngày (kể từ ngày ký giấy

ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: (Có phiếu cấp phát kèm theo)

*Đã đưa đến Đình điền CAP 25.
Kịp đến Ban Quản huyện Cao
Giai quyết việc.*

Ngày 14/2/80.

Cauchien

Hà Thanh Chung.

Ngày 14 tháng 02 năm 19780



Trung tá: BÙI THIẾT

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ TƯ PHÁP
SỞ TƯ PHÁP NAM-PHẦN
TÒA Sơ thẩm Dalat

Trích-lục Văn-Kiện Thê-Vi Hộ-Tịch lưu trữ tại Phòng Lục-Sự
Tòa Sơ thẩm Dalat

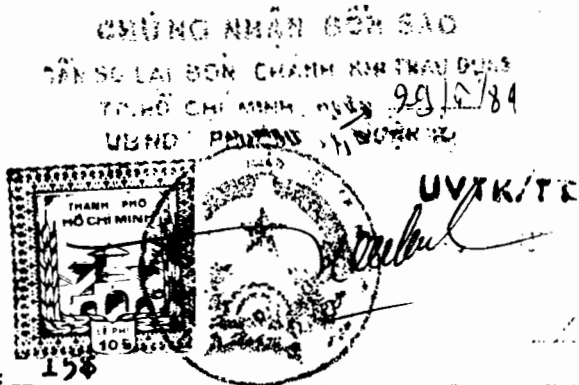
(1) ngày 10/9/1963 Một bản chánh thê-vi Khai sinh
Giấy Thê-Vi khai sinh Cho Ông
cho Đoàn Thụy Nam Cấp cho Đoàn Thụy Nam Do Ông
Dương Thiệu Sinh Chánh Án
Tòa H.G.R.Q/Dalat
(1) Số 772/DX Với tư cách Thẩm-Phán Hòa-Giải cấp ngày 10/9/1963
và đã trước bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

1/DANG DUC THANH 2/ DOAN THI QUY 3/ NGO VAN THUAN

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chính-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế-tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả quyết và biết chắc rằng :

-DOAN THUY NAM, phái nam, sinh ngày Bốn tháng Tư năm Một ngàn chín trăm bốn mươi chín (4.4.1949) tại 76 Quan Thanh, Hà Nội (Bắc Việt), con của Đoàn văn Quang và Trần thị Bay ./-



TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH
Dalat ngày 4 tháng 8 năm 1971
CHÁNH LỤC-SỰ

Lê phí : 176

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

Bùi-văn-Diễn

KHAI SANH

Tên, họ & nhĩ: TRẦN DINH THƯỜNG

Phái: NỮ

Sinh: Ngày 01, tháng Chín năm một ngàn Chín
(Ngày, tháng, năm) trăm Hai mươi Chín (1.9.1959)

Tại: Phường Phú-nhơn, Thành-nội Huế

Cha: TRẦN DINH THƯỜNG
(tên, họ)

Tuổi: Hai mươi Chín tuổi (29)

Nghề: Sĩ-quan quân-dội Việt-nam Cộng-hoà

Cư-trú tại: Phường Phú-nhơn, Thành-nội Huế

Mẹ: NGUYỄN THỊ QUY
(tên, họ)

Tuổi: Hai mươi sáu tuổi (26)

Nghề: Nội-trợ

Cư-trú tại: Phường Phú-nhơn, Thành-nội Huế

Vợ: Chánh
(Chánh hay thứ)

Người khai: TRẦN DINH THƯỜNG
(Họ, tên)

Tuổi: Hai mươi Chín tuổi (29)

Nghề: Sĩ-quan quân-dội Việt-nam Cộng-hoà

Cư-trú tại: Phường Phú-nhơn, Thành-nội Huế

Ngày khai: Ngày mồng Hai tháng Chín năm một ngàn
Chín trăm Hai mươi Chín (2.9.1959)

Người chứng thứ nhất: TRẦN VĂN SUYỀN
(tên họ)

Tuổi: Ba mươi lăm tuổi (31)

Nghề: Sĩ-quan quân-dội Việt-nam Cộng-hoà

Cư-trú tại: Phường Phú-trạch, Thành-nội Huế

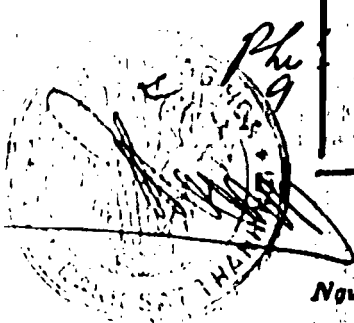
Người chứng thứ nhì: NGÔ-THIỆN-KẾ
(tên, họ)

Tuổi: Ba mươi Bảy tuổi (37)

Nghề: Sĩ-quan quân-dội Việt-nam Cộng-hoà

Cư-trú tại: Phường Phú-vĩnh, Thành-phố Huế

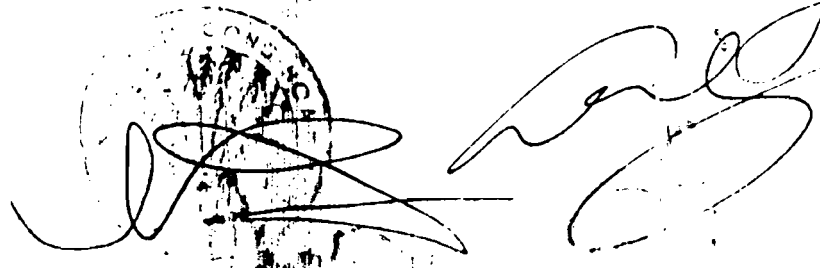
CHỨNG NHẬN SƠN SẮC
CÁI SỞ LẠI ĐƠN CHÁNH KHÍ THÁI
TP HỒ CHÍ MINH, ngày 20.9.59
UBND THƯỜNG LỆ QUẬN 10



Lập tại xã Phú-nhơn ngày mồng Hai tháng Chín
Năm một ngàn chín trăm năm mươi Chín

Người khai, Hộ-lai, Nhân-chứng,

TRẦN DINH-THƯỜNG 1/- TRẦN VĂN-SUYỀN
2/- NGÔ-THIỆN-KẾ



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ	
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC	

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập — Tự do — Hạnh phúc	
GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
Số: 689683 CN	
Họ và tên chủ hộ: Trần Thị Thu Thủy Ấp, ngõ, số nhà: Kk 12 b Thị trấn, đường phố: Bơ 2 Xã, phường: 25 Quận: M5	
Ngày: 21 tháng 04 năm 1986. CHỨNG NHẬN BỒI SẠO SỞ LAI BỒI CHÁNH KINH THÁI BUNG TP. HỒ CHÍ MINH, NGÀY 29/6/84 UBND PHƯỜNG 11 QUẬN 10 UVTK/TT (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên) Nguyễn Văn Hùng	

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

Fr: Mr Le Nghia

LE NGHIA LINH

SECURITY

R

SECURITE

38 DUXFORD CREV.

Douane
Peut être ouvert
d'office
Désignation détaillée
du contenu
Customs
May be opened
officially
Detailed description
of contents

DOCUMENTS

BIRTH CERTIFICATE

Cocher s'il s'agit: Check if the item contains:

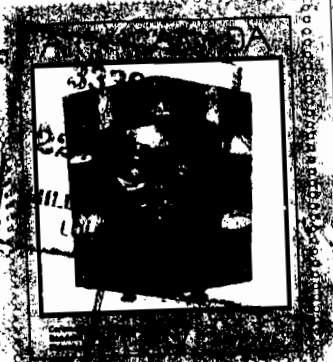
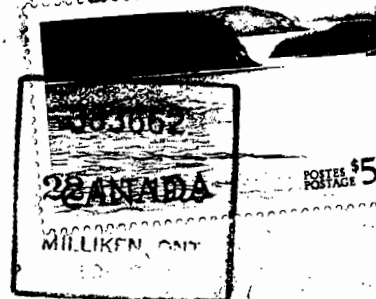
d'un cadeau ☐ a gift
d'un échantillon de marchandises ☐ a sample of merchandise

Votre envoi ne doit contenir aucun objet dangereux interdit par la réglementation postale.
Your item must not contain any dangerous article prohibited by postal regulations.

Valeur Value Poids net Net Wt.

175G

TO: PRS KHUC MINH THO
P.O. BOX 5435, ARLINGTON
VA 22205-0635
USA



RR 011 283 71X CA

HỒ SƠ BỐ TÚC SỐ: NP 0165